

Số: 308/2022/QĐST- HNGĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; CCCD số 03618901**** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2021; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P*** I* phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: ***B – D* ngõ * K, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; CCCD số 03608300**** do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P*** I* phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: ***B – D* ngõ * K, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn T A, sinh ngày 09/9/2009 và cháu Nguyễn N H, sinh ngày 29/10/2013. Anh chị thoả thuận sau khi ly hôn giao cả hai con chung là cháu Nguyễn T A và cháu Nguyễn N H cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Bùi Thị H kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Bùi Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0007783 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- UBND xã/ phường nơi ĐK kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thẩm phán

Lê Thị Thu Hương